

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; được thay thế và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1975/QĐ-BNN-PCTT ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2538/QĐ-BNN-VP ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2762/QĐ-BNN-TCLN ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thay thế Lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 222/TTr-SNNPTNT ngày 19 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; được thay thế và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và bãi bỏ các thủ tục hành chính sau đây:

- Các thủ tục hành chính số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 12, 13 Mục III; Các thủ tục hành chính số 1, 2, 3 Mục IV; Thủ tục hành chính số 1 Mục VII ban hành kèm theo Quyết định số 3748/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

- Các thủ tục hành chính số 3, 6, Mục 1. Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

- Các thủ tục hành chính 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 14, 15, 25, 26, 27 tại Mục XVI, Phụ lục I; Thủ tục hành chính số 4, Mục 4, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục kiểm soát TTHC-VP Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở, Ban, Ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Website tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

DANH MỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; ĐƯỢC THAY THẾ VÀ BỊ BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH AN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI				
1	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	03 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Không quy định	Quyết định số 1975/QĐ-BNN-PCTT ngày 01/6/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xin ý kiến	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Không quy định	Quyết định số 1975/QĐ-BNN-PCTT ngày 01/6/2020

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	Không quy định	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Không quy định	Quyết định số 1975/QĐ-BNN-PCTT ngày 01/6/2020
II	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP				
4	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	40 ngày làm việc	Ban điều hành Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Không quy định	Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
III	LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN				
5	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	01 ngày làm việc	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Không quy định	Quyết định số 492/QĐ-BNN-KTHC ngày 31/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
6	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	<p>- Đối với phương thức kiểm tra chặt: 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.</p> <p>- Đối với phương thức kiểm tra thông thường: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.</p>	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Không quy định	Quyết định số 492/QĐ-BNN-KTHC ngày 31/01/2019

2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Cơ quan thực hiện
I	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP				
1	1.000077.000.00.00.H01	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ đối khu rừng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Quyết định số 2762/QĐ-BNN-TCLN ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thay thế Lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	2.000030.000.00.00.H01	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh			

3. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT		
1		Thủ tục tiếp nhận bản công bố hợp quy thuốc bảo vệ thực vật; phân bón (đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy)	Quyết định số 2538/QĐ-BNN-VP ngày 06/7/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2		Thủ tục tiếp nhận bản công bố hợp quy thuốc bảo vệ thực vật; phân bón (đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh)	Quyết định số 2538/QĐ-BNN-VP ngày 06/7/2020
3		Thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận giống, sản phẩm cây trồng (đối với tổ chức đăng ký hoạt động trên phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)	Quyết định số 2538/QĐ-BNN-VP ngày 06/7/2020
4		Thủ tục chỉ định lại tổ chức chứng nhận giống, sản phẩm cây trồng (đối với tổ chức đăng ký hoạt động trên phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)	Quyết định số 2538/QĐ-BNN-VP ngày 06/7/2020
5		Thủ tục mở rộng phạm vi chỉ định tổ chức chứng nhận sản phẩm cây trồng (đối với tổ chức đăng ký hoạt động trên phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)	Quyết định số 2538/QĐ-BNN-VP ngày 06/7/2020

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
6		Thủ tục miễn giám sát đối với tổ chức chứng nhận được chỉ định có chứng chỉ công nhận (đối với tổ chức đăng ký hoạt động trên phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)	Quyết định số 2538/QĐ-BNN-VP ngày 06/7/2020
7		Thủ tục chỉ định Tổ chức chứng nhận sản phẩm trồng trọt được sản xuất phù hợp quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) đối với tổ chức đăng ký hoạt động trên phạm vi 01 tỉnh	Quyết định số 2538/QĐ-BNN-VP ngày 06/7/2020
8		Thủ tục tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng (đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy)	Quyết định số 2538/QĐ-BNN-VP ngày 06/7/2020
9		Thủ tục tiếp nhận bản công bố hợp quy Giống cây trồng (đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh)	Quyết định số 2538/QĐ-BNN-VP ngày 06/7/2020
10		Thủ tục đăng ký quảng cáo giống cây trồng	Quyết định số 2538/QĐ-BNN-VP ngày 06/7/2020
II	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
11		Thủ tục giải quyết chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình di chuyển khỏi vùng thiên tai	Quyết định số 2538/QĐ-BNN-VP ngày 06/7/2020

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
III	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y		
12		Đăng ký công bố hợp quy cơ sở ấp trứng gia cầm, thức ăn chăn nuôi (đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy)	Quyết định số 2538/QĐ-BNN-VP ngày 06/7/2020
13		Đăng ký công bố hợp quy cơ sở ấp nở trứng gia cầm, thức ăn chăn nuôi, (đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh)	Quyết định số 2538/QĐ-BNN-VP ngày 06/7/2020
14		Đăng ký quảng cáo giống vật nuôi	Quyết định số 2538/QĐ-BNN-VP ngày 06/7/2020